

VĂN HOÁ - LỊCH SỬ

VAI TRÒ VĂN HOÁ ĐỐI VỚI VIỆC MỞ RỘNG “GIÁ TRỊ” MỸ

TS. Nguyễn Thái Yên Hương
Học viện Quan hệ Quốc tế

Liên bang Mỹ hiện tại đang bước vào giai đoạn quyết định, cuộc bầu cử Tổng thống năm 2008 đầy kịch tính đang đến gần và dường như cả thế giới đang cuốn theo sự kiện này. Mặc dù bầu cử tổng thống là một sự kiện chính trị diễn ra không chỉ riêng ở nước Mỹ mà ở hầu hết những nước có chế độ cộng hoà tổng thống và theo những thời điểm nhất định trong tiến trình lịch sử, nhưng có lẽ không có một cuộc bầu cử tổng thống nào tạo nên được sự theo dõi chặt chẽ như vậy. Phải chăng đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng tác động đến quá trình phát triển của các nước trên thế giới? Hay “giá trị Mỹ” ngày nay đang trở thành một nội dung được quan tâm? Để tìm được sự lý giải cho những câu hỏi vừa nêu, cần phải xem xét đến mối quan hệ giữa văn hoá đối với việc mở rộng “giá trị” Mỹ mà ở đây thực ra là một trong các mục tiêu đối ngoại của Mỹ. Dựa trên mối quan hệ giữa cơ sở văn hoá và chính sách đối ngoại và một số phương thức văn hoá được vận dụng để có thể làm rõ được mục đích của chính sách đối ngoại của nước Mỹ chính là nội dung bài viết này.

1. “Giá trị” Mỹ trong đời sống quốc tế hiện nay

Như chúng ta được biết, Liên bang Mỹ là nhà nước dân chủ hiện đại đầu

tiên trên thế giới theo mô hình dân chủ đại nghị (Representative Democracy); là thể chế Cộng Hoà Liên Bang (Federal Constitutional Republic), bao gồm 50 bang, một địa hạt cấp liên bang và 14 lãnh thổ phụ thuộc. Chính thức ra đời năm 1776 từ 13 thuộc địa Anh, đến nay Mỹ hùng mạnh hơn cả khối các nước châu Âu. Từ đầu thế kỷ XX, Hoa Kỳ đã trở thành cường quốc dẫn vượt trội hơn các quốc gia khác về văn hóa, kinh tế, giáo dục, chính trị, quân sự, và khoa học. Mỹ cũng là miền đất tiếp nhận mọi màu da, mọi sắc tộc, mọi ngôn ngữ, mọi giá trị văn hóa và mọi sự khác biệt của con người. Sự kết hợp cao độ này đã đúc kết nên một giá trị chung, gọi là “giá trị” Mỹ. Những người nước ngoài tới nước Mỹ đều muốn đi tìm câu trả lời, mặc dù không dễ dàng. Cho đến nay, về lý luận, chưa có một sự thống nhất về khái niệm “giá trị” Mỹ, nó chỉ được hình thành trong nhận thức của người Mỹ nói chung. Vì vậy, phải chăng “giá trị Mỹ” có thể được hiểu là tất cả những quan điểm, phong tục, tập quán, văn hóa, chính trị, kinh tế... đặc trưng của riêng người Mỹ. Một thực tế không ai có thể phủ nhận được rằng, Liên bang Mỹ được sinh ra cùng với những khái niệm cao quý về bình đẳng, tự do và dân chủ. Điều bất hủ về những quyền này được đề cập trong Tuyên ngôn độc

lập của nước Mỹ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn trong Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam “mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Chính phủ được thành lập với mục đích bảo vệ “cuộc sống, quyền tự do và thành quả của sự hạnh phúc” của người dân và “bất cứ khi nào một thể chế chính quyền nào đó phá vỡ mục tiêu được nêu, thì nhân dân có quyền thay đổi hoặc loại bỏ chính quyền đó và lập nên một chính quyền mới, đặt trên nền tảng những nguyên tắc cũng như tổ chức thực thi quyền hành theo một thể chế sao cho có hiệu quả tốt nhất đối với an ninh và hạnh phúc của họ”¹. Điểm đáng nhấn mạnh là người Mỹ dường như quá tự hào về những gì mà họ coi là giá trị của mình, và tin tưởng rằng, đó là những hạt giống tốt đẹp nhất mà dân tộc mình có sứ mệnh phải gieo đi mọi nơi, mọi chốn.

Ngày nay, cái gọi là “các giá trị” Mỹ dường như đã có ảnh hưởng rộng khắp ngoài ý muốn của các nhà lãnh đạo chính do vì sự lan truyền cũng như sự thừa hưởng các giá trị ấy. Ví dụ, người dân ở các nước đều mặc quần Jeans, hát nhạc Pop, xem phim Hollywood, theo dõi các chương trình TV của CNN, Cartoon Network, MTV hay uống Coca Cola. Hình ảnh lon nước ngọt Coca Cola màu đỏ, ông già râu bạc của gà rán Kentucky, hay những giai điệu nhạc Jazz vốn xuất phát từ người Mỹ gốc Phi có thể được tìm thấy trên khắp hành tinh. Ngay tại Việt Nam, chúng ta cũng có thể thấy hàng ngày trên hệ thống TV “ăn cùng coca, sống cùng coca và nhờ coca” mà thắng lợi trong bóng đá. Niềm tin vào Chúa của người Mỹ cũng được khẳng định khi trên tờ đôla có in hàng chữ “In God we trust” mà hàng ngày người ta vẫn dùng nó để

giao thương ở mọi lục địa. Phim ảnh Mỹ chiếm thị phần lớn nhất, tới 3/4 thị trường thế giới. Trong năm 2001, 81,3% phim trên toàn thế giới do Mỹ tài trợ hoặc sản xuất tại nước Mỹ². Tiếng Anh là ngôn ngữ chủ đạo của Internet, và tuyệt đại đa số các chương trình Internet cũng bắt nguồn từ Liên bang Mỹ³. Các lễ hội truyền thống như Lễ Halloween, Giáng Sinh, Phục Sinh, Lễ Tạ ơn... dần dần được truyền bá, tổ chức và đã trở thành những ngày lễ không thể quên tại nhiều nước. Một nhà văn người Pháp đã nói rằng “chỉ với một chiếc quần Jeans và điệu nhạc Jazz mà người Mỹ đã chinh phục khắp thế giới”. Nhận xét này có phần cường điệu, nhưng phản ánh khá chính xác tình hình hiện nay.

Cho đến thời điểm này, không ai có thể dễ dàng phủ nhận “giá trị Mỹ” khi mà tất cả mọi tầng lớp dân cư của mọi quốc gia đều có thể tiếp xúc hàng ngày và bản thân “giá trị” đó hiện diện trong đời sống mỗi người. Giá trị này ảnh hưởng đến tư duy và nhận thức của mỗi con người một cách mạnh mẽ từng ngày, khi các nước trên thế giới mở cửa, phát triển hợp tác và giao lưu về văn hóa và kinh tế. Mặc dù những mặt tiêu cực của “giá trị” Mỹ làm ảnh hưởng không nhỏ đến cách nhìn và suy nghĩ của nhiều dân tộc trên thế giới ngày nay, nhưng không thể nào chối bỏ thực tế về những mặt tốt đẹp mà văn hoá Mỹ đóng góp cho nhân loại. Đối với các nước châu Á, ảnh hưởng của văn hoá Mỹ đang xâm thực nhanh chóng và tồn tại với văn hoá truyền thống vì đây là nền văn hoá vốn có rất nhiều điểm đáng để học tập và tiếp thu, bên cạnh sự tồn tại của văn hoá địa phương và văn hoá truyền thống mà các dân tộc và các khu vực trên thế giới đều sở hữu.

Hiện tượng “mở rộng giá trị” của văn hoá Mỹ diễn ra từ rất sớm, trước khi toàn thế giới quen thuộc với khái niệm về “toàn cầu hóa” vào cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Nguyên nhân chính là do sự truyền bá và lan truyền rộng khắp, đồng thời những giá trị văn hóa phổ thông của Liên bang Mỹ thường được chấp nhận một cách nhanh chóng và sau đó được điều chỉnh cho thích hợp với nền văn hóa bản địa và truyền thống ở nhiều nước. Đồng thời, Hoa Kỳ vừa là nước tiếp nhận, vừa là nước xuất khẩu văn hóa toàn cầu.

2. Một số tiền đề dẫn đến tư tưởng mở rộng “giá trị” Mỹ

Một cách rất tự nhiên, không chỉ chính phủ Mỹ mà người dân Mỹ đều đồng nhất với nhau trong việc mở rộng giá trị của Mỹ ra bên ngoài trên mọi phương diện. Họ mang trong mình một niềm tin có nguồn gốc từ thuở đầu lập quốc là cần phải xâm nhập và truyền bá hệ thống các giá trị văn hóa của mình sang các nước khác. Niềm tin của họ xuất phát từ những cơ sở sau:

2.1 Niềm tin vào tôn giáo của người Mỹ

Như nhiều nhà sử học và xã hội học từng phân tích trong các công trình nghiên cứu, một trong những động lực thúc đẩy người châu Âu rời bỏ nơi họ sinh ra và lớn lên, tạo nên dòng người nhập cư từ Cựu Thế giới sang Tân thế giới, chính là để có thể tự do hành đạo. Hầu hết những người Anh sang châu Mỹ trong thời kỳ cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV đều tìm kiếm một vùng đất tự do để trốn thoát những quy định chặt chẽ của xã hội quân chủ chuyên chế tại chính quốc, có thể tự do để phát triển kinh tế và tự do để thể nghiệm những hình thức tôn giáo với những nghi lễ đơn giản hơn⁴.

Hàng loạt các dòng đạo Công giáo lớn được du nhập vào Mỹ. Sự phân bố của các giáo phái này gắn bó một cách mật thiết với những vùng định cư có số con cháu của họ chiếm đa số. Đồng thời, các giáo phái mới, như Tân giáo (Episcopalians) tách ra từ giáo phái Anh (English Anglican) đã ra đời vào cuối thời kỳ Cách mạng Mỹ. Sau thời kỳ Nội chiến (1861-1865) giáo phái Trưởng lão (Presbyterianism) cũng được chia ra thành các dòng đạo nhỏ hơn. Cho đến nay, có khoảng trên dưới 1.200 nhóm tôn giáo khác nhau tồn tại trên lãnh thổ Liên bang Mỹ. Giáo hội Cơ đốc giáo là một phái giáo phái mạnh nhất với số thành viên là 57 triệu. Mặc dù có khoảng 79 triệu người Mỹ tự coi mình là theo Đạo “Tin lành”, ở Mỹ vẫn tồn tại nhiều nhóm và giáo hội khác nhau. Trong thời gian qua, số thành viên trong nhóm được gọi là nhà thờ Tin lành trên đất Mỹ đã giảm khoảng 8%, số lượng người đi nhà thờ của nhóm Cơ đốc giáo cũng giảm 1/3. Trong khi đó, thành viên tại các nhà thờ Thiên chúa giáo chính thống tăng khoảng 35% và giáo đoàn Do Thái - Cơ đốc giáo tăng 100%⁵.

Thiên chúa giáo có vai trò khá lớn trong đời sống quốc gia, văn hoá và nền chính trị của nước Mỹ. Trong một thế giới trọng thương thời kỳ đầu lập quốc, chính nền văn minh được mang từ Cựu Thế giới sang Tân Thế giới đã là ánh sáng chỉ đường cho những nhà truyền giáo, những nhà kinh doanh. Tân Thế giới được hưởng lợi từ cách thức làm việc cần cù và bền bỉ của những người nhập cư có tín ngưỡng này. Phải chăng đây cũng là một trong các nguyên nhân đưa đến sự thắng lợi của bản thân nước Mỹ? Ngoài ra, Liên bang Mỹ không có một vị vua trong lịch sử. Đây cũng là đất nước không có bất kỳ một chủng tộc

chính nào để có thể gắn kết họ lại với nhau. Chính vì vậy, Chúa trời được người Mỹ coi là niềm hy vọng và chỗ dựa của nước Mỹ. Như đã nêu ở trên “in God we Trust” đã trở thành câu được người Mỹ nhớ đến hàng ngày. Nếu không có niềm tin vào Chúa thì có thể nước Mỹ sẽ bị các mâu thuẫn về chính trị và sắc tộc gây chia rẽ, bởi vì theo nhà nhân chủng học Clifford Greetz thì “tôn giáo là để tạo nên những cảm xúc về quyền lực, về sự toả sáng và vĩnh cửu và những động cơ bên trong của con người bằng cách đưa ra được những khái niệm về một trật tự chung đang tồn tại và kết nối chúng lại với nhau bằng sự tinh túy thực tế”⁶. Chính vì vậy, đối với đa số người Mỹ, cho dù đó là nhà thượng gia, chính khách, hoặc nhà tu hành, Đức Chúa Trời được coi là một bộ phận trong đời sống. Họ coi nước Mỹ là một đất nước được đặt dưới Chúa và thừa hành mọi sứ mệnh do Chúa ban cho để có thể hoàn thành “giấc mơ Mỹ”. Người Mỹ tự coi mình có nhiệm vụ hoàn thành sứ mệnh của Đức Chúa Trời trong việc mở rộng dân chủ ra toàn khu vực Bắc Mỹ, sau này là cả thế giới. Chính vì tôn giáo mà người Mỹ lại có thêm lý do để coi Liên bang Mỹ là nơi tốt đẹp nhất, chuẩn mực nhất và tự gán cho mình sứ mệnh theo đuổi tự do và phổ cập giá trị tốt đẹp của mình nhằm thực hiện sứ mệnh mà Chúa trời đã giao phó, đó là “người Mỹ tự cho mình có nhiệm vụ dẫn đường cho những dân tộc vẫn ở trong bóng tối”⁷. Niềm tin này đã chuyển hóa thành một sứ mệnh cứu thế lớn lao mà trọng trách được đặt lên vai mỗi người dân Mỹ. Tuy nhiên, người dân Mỹ có thể đã không nhận thức được, hoặc nhận thức theo kiểu riêng của mình, rằng Chúa trời và lòng yêu nước của họ đã bị các nhà chính trị vận dụng để che

đỡ cho những chính sách can thiệp đầy tham vọng.

2.2 *Tiềm lực kinh tế của một nước tư bản phát triển*

Kể từ khi người châu Âu đầu tiên đặt chân lên Tân Thế giới đến nay, nền kinh tế của nước Mỹ có những bước tiến rất lớn, nếu không muốn nói là ngoạn mục, trở thành một nền kinh tế tư bản điển hình. Nền kinh tế của Mỹ, trong thế kỷ XVII và XVIII, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhưng sang đến thế kỷ XIX bắt đầu đi theo hướng công nghiệp hóa, phát triển quan hệ thương mại, và đến ngày nay không một ai trên thế giới có thể phủ nhận vai trò kinh tế Mỹ và hiếm có ai lại không bị tác động, hiếm có nền kinh tế của nước nào lại không chịu ảnh hưởng của nền kinh tế lớn này. Chính sự giàu có về kinh tế này đã là một trong những tiền đề cho sự hình thành tư tưởng mở rộng giá trị văn hóa Mỹ.

Những gì người Mỹ đã đạt được trong hơn 230 năm xây dựng và phát triển kể từ sau ngày thành lập quốc gia là không thể phủ nhận. Ví dụ, đến năm 1890, nước Mỹ đã sản xuất nhiều sắt và thép hơn cả Anh và Đức cộng lại. Đến cuối thập niên này, chính các nhà kỹ thuật của Anh và Pháp đã phải sang Mỹ để học tập kỹ thuật mới⁸. Đầu thế kỷ XX, theo một số tiêu chuẩn, Mỹ đã trở thành nước công nghiệp lớn nhất và công nhân Mỹ đã được hưởng mức sống cao nhất trên thế giới. Năm 1913, nước Mỹ chiếm hơn 1/3 sản lượng công nghiệp thế giới. Đến thời kỳ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, nước Mỹ sản xuất ra 50% “tổng sản phẩm” thế giới. Mặc dù hiện tại, nền kinh tế Mỹ không còn thống soái nền kinh tế thế giới như trước đây, nhưng với chỉ khoảng 5% số dân và 6% đất đai trên thế giới, sản lượng

công nghiệp, hàng hoá nông nghiệp và dịch vụ của Mỹ vẫn chiếm phần lớn. Tổng sản phẩm quốc dân của Mỹ đã tăng hơn 3 lần kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai. Hiện nay, các nước khác đã đuổi kịp hoặc thu hẹp khoảng cách với Mỹ, tổng sản lượng của Mỹ vẫn gấp hơn 2 lần những đối thủ liên kê là Trung Quốc và Nhật bản. Và kinh tế Mỹ gấp hơn 4 lần các nền kinh tế mạnh sau mình là Đức, Ấn Độ, Pháp và Italia⁹.

Về nông nghiệp, Mỹ cũng là nước đứng đầu thế giới. Nông nghiệp nước Mỹ đủ khả năng cung cấp ngũ cốc và thực phẩm cho toàn bộ người dân Mỹ và tạo ra lượng thặng dư ngày càng tăng. Cho đến nay, Mỹ là nước cung cấp ngũ cốc lớn nhất, vượt xa các nước khác, chiếm khoảng 12% tổng sản lượng lúa mì trên thế giới, 45% ngô, 18% bông và 10% yến mạch và lúa. Các chủ nông trại và trang trại chăn nuôi của Mỹ sản xuất khoảng 14% sản phẩm sữa trên thế giới, 17% các loại thịt, 27% các loại dầu mỡ và 53% đậu tương. Trong khi đó, đất có thể được dùng để canh tác ở Mỹ chỉ chiếm chưa đầy 8% đất canh tác thế giới và chỉ có một phần rất nhỏ số dân Mỹ (dưới 2%) làm nông nghiệp¹⁰.

Liên bang Mỹ lại là nước dẫn đầu thế giới về các lĩnh vực khác như hoá sinh và công nghệ gen, nghiên cứu và phát triển hàng không vũ trụ, thông tin liên lạc, máy tính và dịch vụ thông tin... Cho dù chịu sự cạnh tranh khốc liệt của các nền kinh tế khác, các ngành công nghiệp tư nhân của Mỹ vẫn hoạt động có hiệu quả. Nhiều nước hiện tại đã có thung lũng Silicon của riêng họ, khu vực nghiên cứu và sản xuất máy tính đầu tiên và lớn nhất vẫn là Thung lũng Silicon gần San Fransisco, nơi có khoảng hơn 4.000 công ty kỹ thuật cao.

Năng suất lao động của Mỹ luôn tăng dần từ năm 1982, và nếu lấy sản lượng tính theo đầu người làm thước đo, công nhân công nghiệp Mỹ làm việc có năng suất hơn nhiều so với cả Đức và Nhật bản. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Mỹ có năng suất cao hơn Nhật bản 4 lần và Đức 2,5 lần. Vì vậy, Mỹ vẫn là nước xuất khẩu hàng đầu thế giới mặc dù thâm hụt buôn bán của Mỹ với các nước luôn ở mức cao. Với 4,7% dân số thế giới, GDP của Mỹ chiếm khoảng 25% GDP thế giới. Mặc dù hiện tại, nền kinh tế Mỹ đang ở thời kỳ suy thoái, gây ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế thế giới, nhưng căn cứ vào mức tăng trưởng hiện nay là xấp xỉ 3%, Mỹ vẫn tiếp tục là nền kinh tế lớn nhất thế giới trong vòng hai, ba thập kỷ tới.¹¹

Với nền tảng kinh tế như vậy, có thể thấy rằng, xã hội Mỹ dựa vào tiêu thụ, sản xuất, nâng cao không ngừng mức sống, cho nên nó không chấp nhận sự điều hoà, quản lý lợi nhuận, lao động và sử dụng tài nguyên vốn có sẵn của nước Mỹ. Nếu lúc nào đó, chủ nghĩa tư bản Mỹ có bất hiệu chiến thì đó chỉ là sự điều chỉnh chống lại những sự bất hợp lý có nguy cơ thủ tiêu chính nguyên tắc tự do kinh doanh, một nguyên tắc không thể thiếu trong một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Và dựa trên một nền kinh tế phát triển, điều kiện cho tư tưởng bá quyền văn hoá là khó tránh khỏi.

2.3 Lợi ích chiến lược, một yếu tố bất biến

Đối với nhiều nước trên thế giới, dù ai thắng cử trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ diễn ra vào cuối năm 2008 thì cũng chẳng đem lại sự khác biệt nào lớn. Chính sách của Mỹ đối với thế giới bên ngoài sẽ không có những thay đổi cơ bản, nếu có thì chỉ là cách tiến hành.

Nếu xét về mục tiêu chiến lược dài hạn của Mỹ, chắc chắn vẫn sẽ là thiết lập vị trí bá quyền của Mỹ trên thế giới. Đây là mục tiêu xuyên suốt qua bao đời Tổng thống Mỹ, ngay từ khi nhà truyền giáo John Winthrop rời Anh để xây dựng “thành phố trên đỉnh núi” với ý tưởng xây dựng mảnh đất ông đặt chân làm chuẩn mực đạo đức cho toàn bộ thế giới Thiên chúa giáo - đó là “không chỉ quan tâm đến những gì là của anh, mà còn cả những gì là của người khác”¹². Trong thời kỳ hiện tại, mục tiêu của nước Mỹ là khẳng định vị trí của nước Mỹ và không cho bất kỳ quốc gia nào có thể nổi lên thách thức lại vị trí cường quốc này. Dựa trên ưu thế quân sự và chính trị, Mỹ triển khai bành trướng kinh tế và văn hoá trên toàn cầu, đảm bảo vị trí thống soái của Mỹ. Việc truyền bá nền dân chủ tư sản Mỹ, giá trị văn hoá Mỹ cũng là một bộ phận cấu thành của mục tiêu mở rộng quyền lực mà nhiều thế hệ lãnh đạo Mỹ theo đuổi.

Như một nhà nghiên cứu đã nhận xét “Cho dù có ai trúng cử Tổng thống đi nữa thì nước Mỹ cũng sẽ không quay lại với chủ nghĩa biệt lập và bảo hộ” ... “đã có những nguyên tắc cơ bản ... định hình lên chính sách đối ngoại của Mỹ trong cả gần nửa thế kỷ qua và sẽ tiếp tục là cốt lõi cho chính sách đối ngoại của Mỹ trong thời gian tới cho dù là đảng Cộng hoà hay đảng Dân chủ cầm quyền.”¹³ Hiện nay, do sự khác nhau về chính sách giữa hai đảng vốn thay nhau cầm quyền ở Mỹ ngày càng thu hẹp, hai đảng càng ngày càng có quan điểm gần lại nhau hơn đối với một số vấn đề liên quan đến lợi ích của Mỹ.

Mở rộng “giá trị” là một thực tế gắn liền với sự lớn mạnh về kinh tế, quân sự và chính trị của một nước tư bản

điển hình như Mỹ. Vì vậy, trong lịch sử quan hệ quốc tế, Mỹ là một ví dụ sống động về xu hướng bành trướng và mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi toàn thế giới. Khả năng kinh tế và quân sự vượt trội đã tạo điều kiện cho Mỹ nuôi dưỡng ý tưởng gia-tăng phạm vi chi phối của mình. Chính sách đối ngoại Mỹ sau Chiến tranh Lạnh, dưới Chính quyền Clinton, rồi tới Chính quyền Bush II, đều có mục tiêu duy trì vai trò siêu cường duy nhất của Mỹ, đưa Mỹ lên vị trí lãnh đạo thế giới, truyền bá các “giá trị” Mỹ và sử dụng các “giá trị” này để thúc đẩy trở lại các lợi ích. Tuy nhiên, cũng có sự khác biệt rõ rệt, mang tính đối lập trong chính sách đối ngoại. Thời kỳ Clinton, tính năng động và linh hoạt, mềm dẻo của văn hoá Mỹ để lại dấu ấn ở biện pháp khéo léo khi thúc đẩy mở rộng dân chủ, thị trường, thực hiện dính líu bằng hoạt động linh hoạt, đa phương. Ngược lại, chính sách đối ngoại của Chính quyền Bush II chịu ảnh hưởng nhiều hơn của niềm tin vào sức mạnh vũ lực và cách xử thế đơn phương.

Ba nhân tố được đề cập có mối quan hệ gắn kết hữu cơ với nhau, và đây chính là các tiền đề chính cho sự hình thành ý muốn truyền đạt “giá trị” Mỹ ra cộng đồng quốc tế, bởi vì chính sách đối ngoại nếu hiểu một cách đầy đủ sẽ là tổng hợp các mục tiêu, chủ trương, biện pháp mà một quốc gia theo đuổi, thực hiện trong quan hệ với các quốc gia khác, hoặc chủ thể khác trong cộng đồng quốc tế, nhằm phục vụ lợi ích quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử¹⁴.

3. Một số phương thức văn hoá giúp mở rộng “giá trị” Mỹ

Kể từ khi lập nước đến nay, Liên bang Mỹ đã trải qua 43 đời tổng thống. Dù tình hình thế giới và bản thân nước Mỹ có nhiều thay đổi, song như đã

phân tích ở các phần trên, việc truyền bá và mở rộng “giá trị” Mỹ là một trong các mục tiêu đối ngoại góp phần khẳng định vị trí nước lớn của Mỹ. Câu hỏi được đặt ra là những phương thức nào thường được nước Mỹ vận dụng một cách phổ cập để truyền bá những giá trị văn hoá được coi là Mỹ? Tác giả bài viết xin nêu một số phương thức chính, phổ cập được áp dụng:

3.1 Truyền bá “giá trị” Mỹ qua các hình thức văn hoá, giáo dục và nghệ thuật

Có lẽ các hình thức văn hoá, giáo dục và nghệ thuật là phương thức có hiệu quả trong việc giới thiệu, truyền bá giá trị của một dân tộc, một quốc gia ra cộng đồng quốc tế. Dựa trên thế mạnh về khoa học và kỹ thuật Hoa Kỳ đã tạo điều kiện cho các loại hình nghệ thuật phát triển rộng khắp.

Hàng ngày hàng tỷ người say mê phim Mỹ. Tại nhiều nước, phát triển và đang phát triển, có thể nhận thấy một thực tế rằng nhiều thế hệ lớn lên cùng với phim Mỹ và nhìn nhận về nước Mỹ cũng qua phim Mỹ. Phim Mỹ đã ngày càng được ưa chuộng trên khắp thế giới. Các diễn viên điện ảnh như John Wayne và Marilyn Monroe đã trở thành những khuôn mặt biểu tượng, trong khi đó nhà sản xuất phim kiêm kinh doanh Walt Disney là một người đi đầu trong cả lĩnh vực phim hoạt hình và dùng phim ảnh để quảng cáo các sản phẩm. Hollywood cũng sản xuất ra các bộ phim thương mại thành công nhất trên thế giới như *Star Wars* (1977) và *Titanic* (1997), và các sản phẩm của Hollywood ngày nay chiếm lĩnh công nghệ điện ảnh thế giới. Hollywood không những thu hút người lớn mà ngay cả trẻ em trên toàn thế giới cũng không thể bỏ qua các chương trình hoạt hình Mỹ, và hình ảnh chú vịt Donald, chú chuột

Mickey, búp bê Barbie, ... đã trở thành người bạn thân thiết của các em nhỏ toàn hành tinh này. Các giải thưởng điện ảnh uy tín đều được Mỹ tổ chức, phim truyện võ thuật Trung Quốc có dịp chinh phục khán giả cũng nhờ Hollywood. Không khó khăn gì trong việc nhận diện những mẫu người quen thuộc trong phim Mỹ trong việc xây dựng nền dân chủ công bằng, khẳng định vị trí của từng cá nhân và đậm chất bạo lực thể hiện tính ưa sức mạnh, qua đó Mỹ muốn thể hiện quyền uy nước lớn, thực hiện sứ mệnh của nước Mỹ là bảo vệ các dân tộc khác trên thế giới. Phải chăng khi trình chiếu những cuốn phim này, nước Mỹ phân nào cũng nói lên những chính sách và công bố hình ảnh của mình cho cả thế giới.

Những làn điệu từ nhạc cổ truyền như nhạc *blues* và loại nhạc mà bây giờ được biết như là *old-time music* đã được thu thập và đưa vào trong âm nhạc bình dân và được thưởng thức khắp nơi trên thế giới. Nhạc *Jazz* do những nhà sáng tạo âm nhạc như Louis Armstrong và Duke Ellington đưa ra công chúng đầu thế kỷ XX. Nhạc đồng quê và “Rock and Roll” xuất hiện giữa thập niên 20 và 50 của thế kỷ XX đang thịnh hành ở nhiều nơi. Những sáng tạo mới gần đây của người Mỹ gồm có Funk và “Hip Hop”. Những ca sĩ nhạc Pop của Mỹ như Michael Jackson được mệnh danh là “Ông hoàng nhạc Pop”, Madonna được mệnh danh là “Nữ hoàng nhạc Pop”, và còn nhiều ca sĩ khác nữa đã trở thành những huyền thoại âm nhạc. Dần dần những dòng nhạc này đang đe dọa thay thế những dòng nhạc cổ truyền của các nước, đặc biệt là các nước Đông Nam Á.

Và không thể không đề cập đến các chương trình trao đổi về giáo dục và

văn hoá được Chính phủ Mỹ và các tổ chức NGOs triển khai tại các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển. Không thể phủ nhận rằng các dự án và chương trình này đã góp phần nâng cao năng lực thể chế cho các nước tiếp nhận. Các kiến thức được tiếp nhận trong quá trình học tập tại Mỹ đã giúp cho những người được đào tạo có thể đóng góp một cách thích đáng khi họ quay trở về quê hương của mình. Ví dụ đối với một nước như Việt Nam, các kiến thức về công nghệ thông tin, về quản trị kinh doanh, về ngân hàng, về luật... mà các học sinh tốt nghiệp tại Mỹ có được là một vốn quý cho sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, thời gian sống và học tập không những có ảnh hưởng phần nào đến nếp nghĩ của họ mà còn, trong một số trường hợp cá biệt, là điều kiện cho họ hiểu và thông cảm với những giá trị văn hoá Mỹ. Ví dụ ở Việt Nam, theo phát biểu của Đại sứ Mỹ Micheal Michalak thì trong 12 tháng qua 5.600 sinh viên Việt Nam sang học tại Mỹ, tăng 54% so với thời kỳ trước.¹⁵

3.2 Mở rộng “giá trị” Mỹ thông qua hệ thống thông tin đại chúng

Phương tiện thông tin đại chúng Mỹ đã góp một phần không nhỏ trong việc truyền bá giá trị Mỹ ra thế giới. Có nhiều nhà nghiên cứu về văn hoá Mỹ cho rằng trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, khi các mối đe dọa đối với an ninh quốc gia không còn rõ ràng như trong thời kỳ trước thì hệ thống thông tin đại chúng chiếm một vị trí khá quan trọng, tác động đến nhận thức của công chúng.

Là một nước đi đầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin, Mỹ vận dụng mọi phương tiện mới có sức truyền tải nhanh, rộng và ít tốn kém để đề cao và truyền bá tư tưởng, giá trị Mỹ. Mỹ

không hề che giấu việc sử dụng hệ thống truyền thanh của mình để ca ngợi Mỹ và tuyên truyền thu hút sự chú ý của người dân các nước khác đối với “mô hình” Mỹ.

Sức mạnh của thông tin đại chúng Mỹ tập trung chủ yếu trong các hệ thống truyền hình hàng đầu như ABC, CBS, NBC và CNN, các tờ báo hàng đầu như *The New York Time*, *The Washington Post* và *The Wall Journal*, các tạp chí phát hành rộng rãi như *Newsweek*, *Time*, *U.S News và World Report*. Thông tin đại chúng Mỹ phát triển mạnh mẽ và có sức mạnh to lớn nên nó được biết đến như một chủ thể chính trị bên cạnh các cơ quan hoạch định chính sách đối ngoại như Quốc hội, Tổng thống và Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng. Trên thực tế, điều hành mọi sự kiện diễn ra hàng ngày trong đời sống của nước Mỹ, hệ thống thông tin đại chúng Mỹ đều dựa vào một số nhân vật, thường ủng hộ một phe phái nào đó trong chính quyền, có tiếng nói gần như quyết định đối với một số vấn đề quan trọng của nước Mỹ. Họ thường là những người được các chương trình truyền hình hàng đầu có các buổi phỏng vấn trực tiếp, hoặc là những nhà bình luận có bài viết trên các trang quan trọng của một số tờ báo lớn. Hiện tại, ở nước Mỹ có một đội ngũ khá đông đảo nhân vật như vậy, khoảng trên dưới 3000 người.

Thông tin đại chúng Mỹ không chỉ “phản ánh” thực tế hay tường thuật những gì đã xảy ra. Nhiều khi hệ thống này còn đưa ra những quyết định quan trọng trong việc lựa chọn những câu chuyện, sự kiện hay vấn đề trong bản tin, thời gian dành cho các bản tin đó, cách sử dụng hình ảnh và trích dẫn bản tin. Một ví dụ điển hình gần đây nhất chính là vụ khủng bố

11/9/2001. Vấn đề khủng bố về thực tế đã tồn tại trong quan hệ quốc tế, nhưng dường như nó không được khuếch trương cho đến khi toà tháp đôi của Trung tâm Thương mại Thế giới bị tấn công. Đài truyền hình CNN đã liên tục phát đi phát lại hình ảnh chiếc máy bay đâm vào giữa toà tháp. Hình ảnh đó đã gây chấn động dư luận thế giới. Đồng thời, Tổng thống George W. Bush đã liên tiếp xuất hiện trên truyền hình, bày tỏ sự thương tiếc đối với những nạn nhân của vụ khủng bố, kêu gọi sự thống nhất của người dân Mỹ ủng hộ chính phủ chống lại chủ nghĩa khủng bố trên phạm vi toàn thế giới và thậm chí đưa một số nước trên thế giới vào danh sách “trục ma quỷ” nhằm dễ dàng thực hiện chính sách “đánh đòn phủ đầu” của mình. Có thể nói rằng những ấn tượng như vậy đã góp phần giúp cho nước Mỹ tập hợp được một mặt trận rộng lớn trên thế giới chống lại chủ nghĩa khủng bố. Một ví dụ sinh động khác chính là bầu cử Tổng thống Mỹ. Việc lựa chọn tổng thống ở Mỹ luôn gây nên sự chú ý đối với thế giới như vậy. Đó chính là nhờ hệ thống thông tin đại chúng của Mỹ. Cách lập chương trình, cung cấp thông tin và từ đó làm nổi bật vấn đề, thậm chí tạo nên “những cuộc khủng hoảng” trong công chúng, mà ngày nay nhiều người vẫn gọi là “tác động của CNN”.¹⁶

3.3 Mở rộng “giá trị” Mỹ thông qua các cơ quan nghiên cứu và đại diện của Mỹ ở nước ngoài

Hầu như các nhà nghiên cứu và giới học giả trên thế giới đều công nhận một thực tế rằng, hệ thống các viện nghiên cứu Mỹ có vị trí quan trọng đối với quá trình triển khai và hoạch định chính sách của Mỹ. Trong lĩnh vực ngoại giao, Mỹ khuyến khích các viện nghiên cứu, hiệp hội tư tham gia vào

việc đào sâu, triển khai cơ sở lý thuyết của quan hệ quốc tế. Đây là công tác khoa học lúc nào cũng cần thiết và lại càng không thể thiếu trong một thế giới toàn cầu hoá và tiên tiến về kinh tế tri thức. Tuy nhiên, qua đó các nhà trí thức Mỹ cũng góp phần củng cố ưu thế của một tư duy tạm gọi là triết lý tự do “kiểu Mỹ”.

Các viện nghiên cứu như Viện Brookings, Quỹ Heritage, Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS), Nghiên cứu và Phát triển (RAND) hay các Trung tâm, Khoa nghiên cứu quốc tế của các trường Đại học Harvard, Yale, Johns Hopkins, Georgetown, Columbia đều tích cực tham gia xây dựng các luận thuyết, phương pháp nghiên cứu và đề xuất chính sách, đồng thời phổ biến ra nhiều nước. Dù muốn hay không, nhiều ý kiến cho rằng nước Mỹ chính là nơi sản sinh ra các học thuyết về quan hệ quốc tế. Theo một thống kê, riêng Mỹ và Anh đã chiếm tới hơn 40% toàn bộ các ấn phẩm về quan hệ quốc tế trên thế giới. Các viện nghiên cứu hay trường đại học trên không nhất thiết đề ra những khung lý thuyết quan hệ quốc tế giống nhau, trái lại có thể nêu ra những quan điểm cạnh tranh nhau. Tuy nhiên, dù sắc thái có khác nhau, các luận thuyết này phần lớn phản ánh cách tiếp cận chủ đạo gắn với tư tưởng của giai cấp cầm quyền Mỹ.

Các cơ quan đại diện của Mỹ ở nước ngoài cũng là những cơ quan hoạt động đắc lực trong công việc “giới thiệu nước Mỹ” cho người dân ở nước sở tại. Tại những nước Hoa Kỳ có cơ quan đại diện, việc quảng bá hình ảnh nước Mỹ đều được triển khai tùy thuộc vào đặc điểm xã hội, văn hoá của nước đó. Hình thức hoạt động có thể là chiếu phim, tổ chức các buổi tọa

đàm, trao đổi, các chương trình diễn giả, cung cấp thông tin... Trong Chiến tranh Lạnh, khi Liên Xô tìm cách mở rộng ảnh hưởng của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, thì các nhà hoạch định chính sách Mỹ lại tìm cách gây nhiều ảnh hưởng trên thế giới thông qua các giá trị văn hóa. Chính phủ Mỹ đã thành lập một số tổ chức và chương trình như Cục Thông tin Hoa Kỳ để đảm đương chức năng này. Cơ quan này hoạt động và có ngân sách độc lập với Bộ Ngoại giao Mỹ. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, theo chương trình cải tổ bộ máy hoạt động đối ngoại cơ quan này và cơ quan Phát triển Quốc tế sáp nhập vào Bộ Ngoại giao nhằm thúc đẩy truyền bá thông tin giới thiệu về nước Mỹ.

Qua những phân tích trên, ta có thể nhận thấy nước Mỹ luôn muốn mở rộng "giá trị Mỹ" ra toàn thế giới. Trên phương diện lịch sử, văn hóa và chính trị, Liên bang Mỹ đã và đang ảnh hưởng đến thế giới nơi chúng ta đang tồn tại. Trước đây, trong lịch sử, những người Mỹ tiên phong không hề do dự trong việc chinh phục miền Tây hoang dã, không lùi bước trước bất kỳ một cản trở nào, thậm chí sẵn sàng đánh đuổi người Mỹ bản địa ra khỏi vùng đất họ sinh sống. Nước Mỹ hiện đại ngày nay cũng đang tìm mọi cách để mở rộng "giá trị Mỹ" nhằm thực hiện mục tiêu tạo dựng cho mình một vị trí lãnh đạo trên thế giới. Có lẽ vì văn hóa Mỹ đã biến được cái mà nó tiếp nhận từ những nền văn hóa khác thành một nền văn hóa mà mọi người, mọi nơi đều có thể chấp nhận - một nền văn hóa mà về tình cảm và đôi khi cả về nghệ thuật đang lôi cuốn hàng triệu người trên toàn thế giới. Và liệu sự ảnh hưởng văn hóa của Mỹ

có làm mất đi vẻ đẹp văn hóa truyền thống của các quốc gia khác hay không còn tùy thuộc vào người dân, quan điểm và chính sách riêng của từng nước ■

Chú thích:

- 1) Tuyên ngôn độc lập. 4 tháng 7 năm 1776.
- 2) "Present at the Creation: A Survey of American Role", The Economist, 29/6/2002.
- 3) Zbigniew Brzezinski (1999), Bàn cờ lớn. Nxb Chính trị Quốc gia. Bản dịch. Tr. 32
- 4) John Locke (2007). Khảo luận thứ 2 về chính quyền. (Bản dịch). Nxb Tri thức. Tr. 314.
- 5) Douglas K. Steven. (2000), Cuộc sống và các thể chế ở Mỹ, (bản dịch). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tr. 47-49
- 6) Martin E. Marty. "Religion in America" trong Making America - the Society and Culture of the United States. Luther S. Luedtke. USIA. 1992. Tr.303
- 7) Richard J. Payne (1995), The Clash with Distant Cultures. State University of New York Press. Tr. 22
- 8) Joseph R. Colin (1990), The American Past: a Survey of American History to 1877, Harcourt Brace Jovanovich Publisher. Tr. 278.
- 9) Douglas K. Stevenson (2000), Cuộc sống và các thể chế ở Mỹ. Bản dịch, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tr. 122
- 10) Douglas K. Stevenson. Tr. 123
- 11) "Present at the Creation: A Survey of American Role", The Economist, 29/6/2002.
- 12) Divine Breen & Fredrichson Williams (1987) America - Past and Present. Scott, Foresman Company. Tr.45.
- 13) Tom Barry. "No Time for Bipartisanship". Foreign Policy in Focus. 12/2000
- 14) Đoàn Văn Thắng, "Nghiên cứu chính sách đối ngoại", Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế. Học viện Quan hệ Quốc tế. Tháng 4/2000. Tr. 1
- 15) Diễn văn khai trương Trung tâm Mỹ của Đại sứ Mỹ Micheal Michalak ngày 3/4/2008
- 16) Henry F. Carey. US Domestic Politics and the Emerging Humanitarian Intervention Policy. Haiti, Bosnia and Kosovo. World Affairs. Washington: Fall 2001. Vol.164. Tr 74.